

**VIỆN NGHIÊN CỨU & PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA**  
**TỦ SÁCH HỒNG PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA**  
**CHỦ ĐỀ: THANH THIẾU NHI & HỌC SINH**  
*GS VŨ NGỌC KHÁNH*

# VĂN HOÁ DÂN GIAN



**NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN**

# VĂN HOÁ DÂN GIAN

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA**  
*GS VŨ NGỌC KHÁNH*

# VĂN HOÁ DÂN GIAN

**NHÀ XUẤT BẢN NGHỆ AN**

- 2003 -

**VIỆN NGHIÊN CỨU VÀ PHỔ BIẾN KIẾN THỨC BÁCH KHOA  
INSTITUTE FOR RESEARCH AND UNIVERSALIZATION FOR  
ENCYLOPAEDIC KNOWLEDGE (IRUEK)**

Văn phòng liên hệ: B4, P411 (53) TT Giảng Võ - Đường Kim Mã  
Quận Ba Đình - Hà Nội.

**ĐT (04) 8463456 - FAX (04) 7260335**

---

*Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa* là một tổ chức khoa học tự nguyện của một số trí thức cao tuổi ở Thủ đô Hà Nội, thành lập theo Nghị định 35/HĐBT ngày 28.1.1992.

**Mục đích:** Hoạt động nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng khoa học nhằm mục đích phục vụ nâng cao dân trí và mục đích nhân đạo.

**Lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ:**

1. Nghiên cứu các vấn đề văn hoá khoa học.
2. Biên soạn sách phổ biến khoa học công nghệ.
3. Biên soạn các loại từ điển.

**Nhiệm vụ cụ thể:** Trong những năm tới (từ 2001 đến 2005): phát huy tiềm năng sẵn có (hiện có hơn 200 giáo sư, phó giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia); Viện tổ chức nghiên cứu một số vấn đề khoa học; biên soạn từ điển, biên soạn sách phổ biến kiến thức bách khoa (kiến thức khoa học cơ bản, chính xác, hiện đại, thông dụng) dưới dạng SÁCH HỒNG (sách mỏng và chuyên luận) phục vụ độc giả rộng rãi theo các chủ đề như *nông nghiệp và nông thôn; phòng bệnh và chữa bệnh; thanh thiếu nhi và học sinh; phụ nữ và người cao tuổi, v.v.*

Phương hướng hoạt động của Viện là dựa vào *nhật tình say mê khoa học, tinh thần tự nguyện* của mỗi thành viên, liên kết với các viện nghiên cứu, các nhà xuất bản.

Hoạt động khoa học của Viện theo hướng “*Chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá*” (Nghị quyết Đại hội IX).

Vốn hoạt động của Viện là vốn tự có và liên doanh liên kết. Viện sẵn sàng hợp tác với các cá nhân, tổ chức trong nước và ngoài nước hoặc nhận đơn đặt hàng nghiên cứu các vấn đề nêu trên.

Rất mong được các nhà từ thiện, các doanh nghiệp, các cơ quan đoàn thể và Nhà nước động viên, giúp đỡ.

***Viện Nghiên cứu & Phổ biến kiến thức bách khoa***

## LỜI GIỚI THIỆU

Văn hoá dân gian là một bộ môn khoa học mới, được chúng ta làm quen gần đây. Nhưng chưa có cuốn sách nào vừa khái quát tổng hợp, vừa có giá trị phổ thông để giới thiệu được những vấn đề lí luận cơ bản, mà lại giúp ích thiết thực cho người làm công tác văn hoá và bạn đọc rộng rãi. Từ lâu, ở các trường học, chỉ có giáo trình văn học dân gian. Một số công trình đi vào các lĩnh vực riêng như âm nhạc, mĩ thuật, lễ hội, chủ yếu thiên về sưu tầm. Cũng có vài tác phẩm lại đi vào bộ môn văn hoá học. Có sự hiểu biết về văn hoá dân gian (thuật ngữ quốc tế là **folklore**) vẫn là sự chờ đợi của mọi người.

Cuốn sách này của giáo sư Vũ Ngọc Khánh hi vọng đáp ứng sự chờ đợi ấy: Tác giả là người nghiên cứu lâu năm về văn hoá dân gian, nên có được một vài thu hoạch, mong giới thiệu văn hoá dân gian Việt Nam một cách tổng hợp, bao gồm cả lí luận và thực tiễn.

Ông thực sự đi từ cơ sở, từ thực tế mà lên. Một thể loại, một đề tài nào đó, trước khi khái quát, ông đã thực sự đi sâu khai thác chứ không thiên về tự biện. Rồi chính từ đó mà ông nâng lên thành lí luận. Giới nghiên cứu đã công nhận phương pháp làm việc của Vũ Ngọc Khánh là vừa sưu tầm khảo sát, vừa điều tra, vừa nghiên cứu; thu thập rộng rãi tài liệu rồi rút ra cái tinh tuý...

*Nhất trí với ý kiến trên và được xem trước bản thảo, tôi xin giới thiệu cuốn sách này với bạn đọc, trước hết là các bạn làm công tác văn hoá ở các ngành, các cấp, các bạn học sinh, sinh viên các nhà trường và các nhà nghiên cứu có quan tâm. Hi vọng có nhiều ý kiến phê bình để có thể xây dựng cho lí luận văn hoá dân gian Việt Nam nói riêng, và đóng góp cho sinh hoạt văn hoá dân gian nói chung, hiện đang là vấn đề cấp nhật trong cả nước.*

***PGS TS Nguyễn Hữu Quỳnh***

***Viện Nghiên cứu và Phổ biến kiến thức bách khoa***

## PHẦN I

# THẾ NÀO LÀ VĂN HOÁ DÂN GIAN?

---

*Văn hoá* được hiểu theo nghĩa rất rộng. Có lẽ trong thế gian này, cả thiên nhiên và xã hội loài người, không có cái gì không phải là văn hoá, hoặc có liên quan đến văn hoá. Văn hoá phải do con người tạo ra, nhưng vẫn có những thứ không do con người tạo nên, mà con người vẫn cảm, vẫn nhìn thấy được theo giác độ văn hoá. Cảnh đẹp thiên nhiên có phải do người tạo dựng tác được đâu, nhưng với con người thì đó là một hiện tượng văn hoá, để gán cho nó một giá trị văn hoá.

**1. Văn hoá có những hiện tượng được gọi là *Vật thể*.** Một quả núi, một ngôi đền, một sản vật nông công kỹ thuật, sờ mó được, quan sát hình dáng cụ thể được, thì gọi là *Văn hoá vật thể*. Nhưng một câu ca, một điệu hát, một khúc đàn... có thể tiếp cận được dễ dàng, nhưng lại không nắm bắt được (dù là in thành văn bản hay ghi âm), thì lại là *Văn hoá phi vật thể*. Cả một cuộc lễ hội rầm rộ, tổ chức quy mô, có người có cảnh hẳn hoi, nhưng xong đó lại chỉ trở thành những kỉ niệm, vv. cùng thuộc loại văn hoá phi vật thể.

**2. Văn hoá do con người tạo nên.** Trong toàn thể nhân loại, từ xưa đến nay có những người có năng khiếu, có sở trường và quan trọng là phải có những tài năng nhất định, đã tự nguyện sáng tạo nên những công trình văn hoá. Họ có thể làm thơ, viết

truyện, vẽ tranh, đặt các bài, các điệu hát, xây dựng những tác phẩm kiến trúc, vv. (nhiều nữa), thì họ được quần chúng các thế hệ tôn vinh. Người ta gọi là những nhà thơ, nhà văn, nhà nghệ sĩ, nhà phát minh, nhà khoa học, vv. Những tác phẩm do họ làm ra, được gọi chung là tác phẩm *Văn hoá bác học*. Nói bác học, là chỉ vào tính cách chuyên môn, chuyên nghiệp, chỉ vào sự sáng tạo phải căn cứ vào kiến thức sách vở (trong hoặc ngoài nhà trường). Tác phẩm của họ phải được viết ra, in ra hoặc được nặn, khắc (cho nên cũng gọi là tác phẩm thành văn). Họ có quyền kí tên (và cũng thích kí tên) vào những tác phẩm ấy. Tác phẩm của họ có thể được lưu truyền rộng rãi, mà khi ai nhắc đến, sử dụng đến vẫn phải nhớ đến tên tuổi của họ. Cũng có những người không để lại tên tuổi, hoặc vì những lí do hoàn cảnh nào đó, mà không biết được tên tác giả, thì những tác phẩm của họ vẫn được xem là thuộc dòng văn hoá bác học như thường. Sở dĩ như vậy là do tính chất bác học của tác phẩm, không phải bàn tay chuyên môn, chuyên nghiệp (dù trình độ thấp cao thế nào) thì không làm được. Thí dụ như ở nước ta, *truyện Kiều* là của Nguyễn Du. Dù lời thơ, ý thơ của Nguyễn Du có chất liệu hay tính cách bình dân đến đâu, thì đó cũng là tác phẩm bác học. Rồi một ngôi nhà chùa như chùa *Một Cột*, một pho tượng như tượng *Thánh Đổng Đên*, dù không biết ai vẽ kiêu, ai tạc đá, cũng phải được xem là tác phẩm bác học. Tác phẩm được xem là khuyết danh, nhưng chắc chắn phải do một người nào đó tạo ra. Có thể do một tập thể cùng xây dựng, nhưng phải có một chủ nhân sáng tạo. Chủ nhân ấy là người của Văn hoá bác học.

Nhưng trong đời của chúng ta, không phải chỉ có văn hoá bác học mà thôi. Không phải chỉ những ai có học hành, có chữ nghĩa,



có tài năng, mới làm được những tác phẩm văn hoá. Tất cả mọi người đều có thể góp phần nhỏ bé của mình vào nền văn hoá chung, góp phần một cách tự nhiên, tất nhiên, vì đó là nhu cầu của cuộc sống. Đã là người thì đều có những cảm nhận về cuộc sống quanh mình, có cách nhận thức về thiên nhiên, về xã hội, và đều muốn chứng minh sự tồn tại của mình, muốn thổ lộ tâm tình - cả khi sống độc thân hay khi hoà với cộng đồng. Và như vậy, con người sẽ mượn lợi khí văn hoá để tự thể hiện. Một người làm như thế, rồi trăm vạn người khác qua nhiều thế hệ cũng làm như thế. Những thứ mà họ sáng tạo ra, không ai ghi chép cho họ cả, nhưng có một số không ít vẫn được lưu truyền, lúc đầu trong phạm vi hẹp, rồi dần dần toả rộng đi nhiều nơi. Tại các nơi ấy, người ta chấp nhận nhau, lại truyền bá cho nhau. Rồi với thời gian, một số lớn sáng tạo bất kì ấy lại được chấp nhận, trở thành gia tài chung cho quần chúng đời này hay đời khác, vùng nọ hay vùng kia. Những sáng tạo văn hoá ấy, được gọi chung là *Văn hoá dân gian*.

Sự phân biệt giữa Văn hoá bác học và Văn hoá dân gian có thể hiểu một cách sơ lược và phổ thông như thế. Và sau đây, ta sẽ đi riêng để tìm hiểu về Văn hoá dân gian, nói chung và nói riêng ở đất nước Việt Nam mình.

**3. Hai chữ “dân gian”** có một số ít người chưa xác định rõ, vì lầm với một số chữ cùng âm khác nghĩa. Có ba chữ gian. Gian là đối trá (trong chữ gian tà), gian là vất vả (trong chữ gian nan). Còn gian trong dân gian nghĩa là cái khoảng, cái khu rộng lớn, cái vùng. Không gian là một (hay tất cả) khoảng trời đất bao la. Trung gian là cái khoảng chính giữa. Và dân gian là trong khu

vực, trong địa hạt của dân. Như vậy Văn hoá dân gian là văn hoá của dân, từ dân mà ra và cuối cùng cũng vẫn là dân thôi.

Ông bà nội kể cho cháu nghe một câu chuyện cổ tích, mẹ hay chị ru cho em bé ngủ trong nôi, các chàng trai cô gái đối đáp với nhau trong buổi giao duyên hay trên một chuyến đò, mấy chục trẻ chạy nhảy trên cánh đồng hay đùa nghịch với nhau trước sân nhà, vv. Rồi có những đêm dài trong các bản làng hẻo lánh, người ta đọc cho nhau nghe những bài hát chúc tụng các thần (theo chữ nghĩa thì gọi là những lễ ca, những sử thi gì gì đó, nhưng người bản mường thì gọi là những bài mo). Tất cả đang làm việc phổ biến, truyền bá văn hoá dân gian đấy.

Một buổi chợ đông, kẻ bán người mua, một hàng nước bày vài cặp bánh, vài gói kẹo đón khách dọc đường, một lò rèn, xưởng mộc với bao nhiêu bác phó cả, mấy chú bé, bảo ban bày vẽ cho nhau. Họ có những kiến thức văn hoá riêng của họ và cũng đang thể hiện ra giữa lúc miệng nói tay làm, vv. Họ đều là những nhà văn hoá dân gian cả đấy.

Rồi đến những buổi cúng lễ trong các nhà thờ họ, các đình đền miếu mạo quy mô nhỏ thì chỉ là thấp hương khấn vái, quy mô lớn thì thành những lễ hội rầm rộ: Lễ Kỳ Yên, lễ Tống Trùng. Người ta còn tổ chức ra những cuộc thi bơi, thi hát, thi chạy, thi vật... các buổi hát tuồng, hát chèo, vv. cả trong nông thôn và cả ở các thành phố, các thị trấn. Có thể có những hình thức do nhà nước chủ trì, do các phường chuyên nghiệp đảm nhận, vv. Song đều được xem là sản phẩm văn hoá dân gian.

Còn nữa. Có những tri thức hoặc những kiểu sinh hoạt, thật ra là phải do văn hoá bác học mà ra, nhưng đã lưu hành lâu đời trong

dân gian và trở thành văn hoá dân gian, mà không ai bản khoán thác mắc gì cả. Những kinh nghiệm và thời tiết chẳng hạn, thoát đầu là do người dân các thế hệ thu nhận, đối chiếu và đúc kết, rồi được những người biết chữ nghĩa hệ thống lại, dùng hẳn những thuật ngữ bác học để gọi tên. Nhân dân đã chấp nhận để biến thành tri thức của mình. Nhiều người không biết chữ, mà vẫn chỉ ra được ngày nào là ngày đông chí, ngày đại hàn, là tiết kinh trập hay tiết sương giáng, vv. Có cả những kiến thức về phong thuỷ (rất chuyên môn), vẫn được người dân bình thường sử dụng nhìn vào hướng nhà cửa, hướng mộ mả mà biết đó là tay long tay hổ, vv. Có những lễ tục đã được ghi vào sách vở như các gia lễ, được trở thành những phong tục cố hữu, dân chúng khắp nơi đều nhất luật tuân theo. Những bản hương ước, thức ước của các làng hoặc của các dòng họ đã rất quen thuộc với dân chúng, chiếm vị trí quan trọng, thiết thân ở làng quê... Tất cả đều được xem là văn hoá dân gian, và cũng đúng là khi vận dụng những tri thức này vào cuộc sống, không ai cần hỏi đến tác giả là ai nữa.

Vậy là có thể khẳng định một điều: Văn hoá dân gian là sáng tạo của dân, từ dân mà ra, và phục vụ cho cuộc sống của dân. Văn hoá dân gian là ở mọi lĩnh vực, mọi không gian, môi trường và ở mọi thời điểm. Cả thế giới này, cả nhân loại này đều có văn hoá dân gian. Có cuộc sống, có người dân, thì có văn hoá dân gian... Ta tìm hiểu văn hoá dân gian, là ta tiếp cận với người dân và cuộc sống. Đi vào văn hoá dân gian, ta có thể thu hoạch được nhiều điều, hiểu được thế giới, xã hội quanh ta và hiểu được chính cả ta nữa. Ta đã nhờ văn hoá dân gian mà nâng cao được trình độ của mình (dù mình suốt đời không được đi học), thậm chí có thể theo văn hoá dân gian mà cư xử, ăn ở, đối phó hay hoà nhập. Hơn nữa

văn hoá dân gian lại chứa đựng, tiềm ẩn rất nhiều những điều ta không biết, hoặc phải để nhiều công phu, nhiều thời gian mới giải mã được. Một hiện tượng văn hoá dân gian có khả năng mạch bảo rất nhiều, nhiều hơn là một hiện tượng văn hoá bác học. Văn hoá bác học chỉ là của một người (dù là người có sự hỗ trợ của tập thể), của một thời điểm, dù là thời điểm đã vượt thời gian, nhưng văn hoá dân gian lại là của muôn thuở, hoặc là của nhiều đời. Đời này qua đời kia, các hiện tượng văn hoá dân gian tự nó bồi đắp thêm, cho nên nó rất cũ mà cũng là rất mới. Nó là chung mà cũng rất riêng. Tự nó có thể là rộng hay hẹp, là kín hay là mở, vừa dễ hiểu cũng vừa khó hiểu, vừa là kinh điển, cũng vừa là phổ thông.

Ai đã sáng tạo ra văn hoá dân gian? Trên kia ta đã nói rồi. Đó là người dân, là từng con người cụ thể hoặc là cả một đám đông không tên không tuổi, hôm qua, hôm nay và cả ngày mai nữa. Không được học hành, không được đào luyện gì cả, mà chỉ là tự ý thức, tự bồi dưỡng lấy cho mình thôi. Vậy mà những gì họ đã sáng tạo ra lại rất văn hoá, thậm chí có thể thuộc vào một trình độ văn hoá rất cao, mà văn hoá bác học không sao theo kịp. Tại sao như vậy?

Bởi vì con người sống trên trái đất này là một sinh vật biết tư duy và ưa sáng tạo. Tiếp cận với bất cứ đối tượng nào con người đã có ngay cảm nhận, rồi đến nhận thức. Đó là tư duy. Đối phó với bất kì hiện tượng nào, họ cũng phải xử lí và nghĩ ra cách xử lí. Đó là sáng tạo. Phải tư duy và sáng tạo thì mới tồn tại cùng với môi trường, mới chinh phục được tự nhiên. Sáng tạo của họ được đánh dấu bởi những cố gắng khẳng định và điểm tô các thành quả, tạo nên một *tự nhiên thứ hai*, để vừa làm cho họ được trang bị tri thức và sức mạnh, vừa được tự giải phóng và vươn lên tự giải

phóng trong ước mơ của mình. Những truyện thần thoại, cổ tích, những lễ hội, những tranh tượng, vv. chính là những bằng chứng của cái tự nhiên thứ hai ấy.

Để làm công việc khẳng định, điểm tô và tạo nên cái tự nhiên thứ hai ấy, họ phải có những sáng tạo tinh thần để lưu trữ, để truyền lan. Phương tiện để làm việc này không có gì hơn là ngôn từ, âm thanh, hình ảnh, động tác... vì đó đều là *của dân gian tự nhiên mà có, tất nhiên đã có*, chứ họ không có những phương tiện gì của giới bác học cả. Dân gian là vậy đấy. Rồi tất cả những phương tiện tự nhiên ấy được họ sử dụng một cách hỗn nhiên, nhưng không thiên về một phương tiện nào. Văn hoá dân gian đã ra đời như thế.

**4. Hiện nay, nói đến văn hoá dân gian, thường có một sự lầm lẫn, nhiều người tưởng rằng văn hoá dân gian và văn học dân gian là một. Không đúng, Văn học dân gian hẹp hơn nhiều. Văn học dân gian chỉ gồm những sáng tạo về mặt văn học: Thơ ca, truyện kể để lưu truyền trong dân gian. Vì những loại hình này rất phong phú, được sử dụng nhiều, quen thuộc nhiều nên được biết đến, nhớ đến nhiều hơn. Nhưng chỉ là Văn học, chưa phải là Văn hoá (dù Văn học cũng ở trong Văn hoá).**

Lại còn một thuật ngữ nữa. Đó là từ *Văn nghệ dân gian*. Văn nghệ dân gian rộng hơn Văn học dân gian, vì nó bao gồm cả văn và nghệ. Nói Văn nghệ dân gian là nói đến cả những sáng tạo về văn học (như thơ ca, truyện kể), về mỹ thuật (như tranh dân gian), về sân khấu (như trò diễn, chèo), về điêu khắc, kiến trúc (như tượng), vv. Nhưng văn nghệ dân gian cũng chưa phải là văn hoá dân gian. Khái niệm văn hoá dân gian còn rộng hơn nhiều. Trong

văn học dân gian, văn nghệ dân gian, người ta không xếp vào đây những gì thuộc về tri thức dân gian, về phong tục dân gian. Những phần này đều nằm trong văn hoá dân gian cả.

Cả thế giới đều quan tâm đến văn hoá dân gian. Có một thuật ngữ quốc tế để chỉ khái niệm này, mặc dầu cũng chưa thật là đầy đủ, là một từ tiếng Anh: *Folklore*, từ này gồm hai chữ: *Folk* là quần chúng, *lore* là trí tuệ. Tuy chưa bao gồm đủ ý chỉ về văn hoá dân gian, nhưng có phần rộng mở và bao quát hơn văn học, văn nghệ. Do đó, nhiều nhà nghiên cứu nước ta gần đây đã sử dụng thuật ngữ này, để cùng với thế giới thông tin được với nhau, dễ hiểu, dễ thông cảm với nhau hơn. Từ *folklore* cũng mới xuất hiện vào thế kỉ thứ 19 thôi, nhưng nó đã nhanh chóng được giới học thuật quốc tế chấp nhận. Do vậy, ở những trang sau, chúng ta có thể sử dụng cả hai thuật ngữ: *Văn hoá dân gian và folklore*. Nhiều thuật ngữ khoa học quốc tế đã gia nhập vào kho tàng ngôn ngữ Việt Nam, không có gì vướng mắc, chữ *folklore* đã được nước ta chấp nhận và sẽ quen thuộc với chúng ta hơn.

## PHẦN II

# VĂN HOÁ DÂN GIAN BAO GỒM NHỮNG GÌ?

---

Đã nói văn hoá dân gian là của dân, là từ dân mà ra để quay về phục vụ nhân dân, thì cũng cần đi sâu vào bản chất vấn đề, tìm theo những suy nghĩ, những thao tác của người dân trong quá trình hình thành và sáng tạo nên tác phẩm của họ. Việc làm ấy, ta gọi là sự nhận biết được văn hoá dân gian như nó đã ra đời. Thực vậy, lâu nay, với sự xuất hiện của bộ môn folklore học (tức là nghiên cứu về văn hoá dân gian - cả văn học và văn nghệ), ta thường phải vận dụng những kiến thức uyên bác, để khai thác, để đi cho đúng cách nghiên cứu khoa học, đối chiếu với tri thức chung và nhân loại. Điều đó là cần để nắm vững lí luận được trừu tượng hoá và nâng cao. Ta đã đi sâu vào các lĩnh vực như là lí luận folklore, thi pháp folklore, vv. Nhưng trước khi đi sâu vào địa hạt uyên bác ấy, ta cũng nên có một cái nhìn cho đúng bản chất vấn đề, hãy nhìn văn hoá dân gian như nó đã ra đời và phát triển. Có nghĩa là nên tìm hiểu trước nhất: *Văn hoá dân gian vốn là như thế, hoặc là nó đã là như thế*, chứ không phải nó như ta đã hiểu theo lí luận được trừu tượng hoá và nâng cao. Chẳng hạn, có thể vì ta thấy sự tương đồng phù hợp, nên ta gọi một hiện tượng trong văn học dân gian là ca dao, cổ tích, chứ người Việt, người Tày, người Ba Na chưa hẳn đã có chung khái niệm như ta muốn hiểu. Về một làng quê Việt, gặp một bà già, xin bà đọc cho một câu ca dao, bà ấy không hiểu ta cần cái gì. Về một bản mường Tày

Nguyên, ta xin các già làng cung cấp cho một khúc sử thi, sẽ được trả lời rằng họ chẳng biết sử thi là gì cả. Vì vậy, đi tìm văn hoá dân gian như nó đã ra đời, là công việc đi tìm lại sự vật đúng như tên đã gọi, để có thể hiểu đúng thực chất của vấn đề hơn. Tất nhiên, hầu hết các trường hợp, sau khi đi tìm sự vật như thế, ta cũng sẽ trở lại với những quy kết lí luận như ta được biết trước đó. Như vậy, vẫn không phải là vô bổ, mà chính là để có thể tiếp cận với văn hoá theo đúng bản chất hơn. Theo cách làm như vậy, từ bước đi ban đầu đến bước cuối cùng của việc sắp xếp, phân loại, ta có thể nhận diện văn hoá dân gian (trước nhất là ở Việt Nam) như sau:

## I. VĂN HOÁ DÂN GIAN NHƯ TỰ NÓ TRONG ĐẠI CHÚNG (FOLK):

1. Ta đều biết rằng trong xã hội Việt Nam xưa, đến hàng mấy mươi thế kỉ, dân ta đa số là mù chữ, trình độ học vấn không có gì. Nhưng lạ một điều, là họ đã hiểu biết rất nhiều, có vốn liếng tri thức phong phú. Không phải chỉ là cái vốn tập thể, vốn truyền thống, mà ngay từng cá nhân: ông bà già, chàng trai, cô gái, em nhỏ, vv. cũng đều có những kiến văn nhất định, có thể ứng xử trong nhiều trường hợp, cả những trường hợp giao lưu có tính chất văn hoá cao. Trường học của họ là cuộc đời và họ đã biết tiến hành một sự nghiệp tự đào tạo trong hoàn cảnh không sách không thầy, rất kiên trì, rất thực tiễn. Không ai phân tích và tổng kết được, nhưng thực tế đã cho thấy là suốt trường kì lịch sử tiếp cận với thiên nhiên, giao tiếp với xã hội, thấm thía với lịch sử ông cha, người dân đã nâng cao trình độ kiến thức của mình, và của người chung quanh bằng ba khâu luyện tập:



- **Gom**

*Gom* có nghĩa là gom góp, thu nhặt. Lăn lộn trong cuộc sống, ở bất cứ hoàn cảnh nào, sức lực của người như thế nào, họ cũng có thể thu nhặt được nhiều kiến thức. Kiến thức rất đa phương, đa dạng, để thu nhập xô bồ, ào ạt, liên tục, lăn lộn cả sai đúng, chính xác và mơ hồ, nhưng rõ ràng là họ đã được trang bị đầy đủ. Tất cả đều tự bằng lòng với cái vốn thu thập ấy, có người còn tự cho đó là hiểu biết đúng đắn và sâu xa hơn cả. Lịch sử nước nhà, địa dư xa gần, chuyện thánh thần ma quái, chuyện khoa học, vv. họ đều gom góp và thu nhập được. Trí nhớ của họ cũng khác sâu được cả những bài văn vắn, những lời lẽ đối chọi có khi chứa đựng nhiều điển tích được họ hiểu theo cách tự do của mình. Xét theo cách phân loại khoa học, thì đây chính là những *tri thức dân gian*. Khá nhiều loại tri thức này đã có giá trị nhất định, rất chính xác dù chỉ là theo cảm tính, rất đúng với những khám phá hay những quy luật mà các nhà khoa học sẽ tìm ra. Có thể lấy một thí dụ cụ thể. Câu ca dao: *Lúa chiêm nếp ở đầu bờ, bỗng nghe tiếng sấm phát cờ mà lên*, rất đúng với những kết luận của hoá học và nông học. Những kinh nghiệm trong việc hành nghề của nghề rèn, nghề mộc, nghề đúc,... được tóm tắt lại một cách sơ sài trong các thành ngữ, các câu dặn dò,... đều đúng với thực tế và có giá trị khoa học nhất định. Tri thức dân gian là cả một kho tàng lớn trong văn hoá dân gian. Nhà nghiên cứu Merton ở Anh tìm được chữ *lore* (trí tuệ) để ghép với chữ *folk* (quần chúng), quả là đạt kiến.

- **Bày**

Người dân khí đã có vốn tri thức dân gian, họ luôn luôn truyền lại cái vốn ấy cho người chung quanh: con cháu hoặc bạn bè của

họ. Tiếng Việt ta có một từ để chỉ vào việc giáo dục: bày dạy, nên chú ý là bày được nhắc đến trước dạy. Đây cũng là một sinh hoạt quan trọng trong văn hoá dân gian... “Bày” có thể là việc trong gia đình, là việc trong các phường hội, lò, xưởng, trong các cộng đồng. Mẹ, chị ru cho các cháu bé, ông bà kể một câu chuyện đời xưa, ông phó cả hướng dẫn cho người học việc những thủ thuật hành nghề, các nghệ nhân tập cho nhau điều hò, điệu hát, múa hay làm trò,... đều bằng phương pháp bày cả. Không có một phương pháp sư phạm nào cả, nhưng thật ra lại cũng có nhiều trường hợp rất đúng với cách thức, yêu cầu của giáo dục và giáo dưỡng. Tất cả đều bằng phương tiện truyền thông, bằng lời nói và động tác (hoạ hoàn lắm mới có sách vở). Người tiếp thu phải tự lĩnh hội lấy, tự ngộ ra và phát huy tác dụng theo sự tự do của chính mình. Ấy vậy mà kết quả lại rất là hiệu nghiệm.

Trong cách sắp xếp phân loại của các nhà nghiên cứu, văn hoá dân gian không có thành phần về bộ môn giáo dục. Nhưng cách bày dạy của dân gian trong hoàn cảnh không sách, không thầy, đã có sự đóng góp rất lớn của giáo dục. Chính nhờ sự bày dạy này mà văn hoá dân gian mới được tồn tại, và cũng đồng thời mở rộng thêm diện nghiên cứu của văn hoá dân gian. Trong lí thuyết lan truyền của những hiện tượng văn hoá dân gian, người ta nhớ đến hai đặc điểm. Văn hoá dân gian, thường có tính cách phi thời gian (détemporalisation) và phi không gian (délocalisation). Tính cách ấy là do phương pháp bày của dân gian mà có. Vì là bày, người ta chỉ nhớ có sự kiện, không cần chú ý sự kiện ấy đã xảy ra ở đâu, vào lúc nào (có khi nhắc đến nhưng lại hoàn toàn không chính xác). Những dị bản có thể có về một câu ca, một trò diễn, một giai thoại, chính là do sự bày dạy này. Khi bày vẽ, người ta chỉ

chú ý đến cái hay, cái thú vị của hiện tượng hay sự kiện, người ta có thể thêm bớt hoặc thay đổi cả cấu trúc, cả cốt cách theo cách hiểu, cách cảm của mình. Người tiếp thu sẽ tiếp thu trọn vẹn, mà cũng có thể chế biến đi, chế biến mà cứ khẳng định như vậy mới là đúng hơn cả. Nghiên cứu sự truyền lan của văn hoá dân gian phải quan tâm đến vấn đề này.

- **Noi**

Vốn kiến thức của văn hoá dân gian, còn được khẳng định và tăng cường thêm bằng một biện pháp cổ hủ: sự tuân thủ, sự noi theo. Người dân ta hiền lành, chất phác, rất tôn trọng cội nguồn, rất tuân theo phép tắc, luôn luôn nghĩ rằng phải ăn ở sao cho phải. Phải đây là phải với đạo lí, phải với lương tâm. Do đó mà những gì trong cuộc sông cổ truyền, đều được họ tuân thủ, noi theo rất chu đáo. Có những cách thức nề nếp là chung cho cả quốc gia, dân tộc, có những thứ chỉ thích hợp riêng từng vùng, đều được chấp hành nghiêm túc. Có những hành vi, cử chỉ, lễ thói nào đó ra đời đầu từ những thời đại xa xôi, có liên quan đến các tín ngưỡng cổ sơ như tín ngưỡng phồn thực, vẫn được người ta bảo lưu, thực hiện một cách nghiêm túc và dành cho cả niềm kính cẩn, thiêng liêng. Có những điều ràng buộc, nhưng quy ước thành văn hay bất thành văn, vẫn được vâng theo, mà ai không theo sẽ bị trách phạt, dù không có pháp luật nào bảo chứng. Những hội hè đình đám từ bao đời truyền lại vẫn được thực thi nghiêm chỉnh, có phần hoàn toàn thô sơ mộc mạc, có phần là mô phỏng theo những lễ lối nghi thức của thể chế các triều đình vua quan vv. vẫn được họ đưa vào nếp sống xóm làng. Tất nhiên, noi theo nếp cũ như vậy, họ vẫn có phần sáng tạo riêng tư, để có được những đặc điểm tương đối: đất có lễ, quê có thói. Chính sự noi

theo này, đã làm cho văn hoá dân gian ở một vùng quê, có được cái phần mà ta gọi là những phong tục dân gian. Nghiên cứu văn hoá dân gian không thể quên được phần này. Và những trí tuệ bình dân, tâm hồn, tâm lí người dân, đều được ẩn tàng hay bộc lộ trong phần phong tục này cả.

Tóm lại, sự ra đời của văn hoá dân gian trong tiến trình lịch sử có thể nhận diện được như vậy. Người dân - tất cả mọi tầng lớp mọi ngành nghề, đại đa số là thiếu sự trang bị một trình độ văn hoá sơ cấp, đã qua các khâu: *Gom, bày, noi* mà tích luỹ được, để tự thân, bằng khả năng sáng tạo tự nhiên của mình, mà tạo nên một nền văn hoá dân gian, một gia tài folklor vĩ đại.

2. Việc sáng tạo ấy lại được thể hiện bằng nhiều hình thức, có thể thấy rõ trong phạm vi ngôn từ. Trong phạm vi này, văn hoá dân gian thường sử dụng các hình thức NÓI, KỂ, VÍ, VÈ, làm những sáng tác dân gian chủ yếu. Không dùng ngôn từ, mà dùng màu sắc, dùng hình ảnh thì người ta cũng biết cách tạo hình, chủ là VẼ, NẶN, ĐÚC, TRỐ (cũng được gộp vào nghệ thuật vẽ nói chung). Tiến sang phạm vi diễn xướng thì các hình thức ấy lại là HÁT, HÒ, TRÒ, MÚA. Vậy là: văn xuôi hay văn vần, đọc bạch hay đối thoại, tô điểm hay diễn trình, có đến 9 hình thức trình bày: NÓI, KỂ, VÍ, VÈ, HÁT, HÒ, MÚA, VẼ. Ấy là những thành phần chủ yếu nhất, cũng là thuần túy dân gian hơn, nghĩa là không có hoặc có rất ít sự gia công của bàn tay chuyên nghiệp. Những thể loại, đơn loại, đơn vị folklore - như các nhà nghiên cứu đúc kết sau này, đều có thể theo nội dung và tính chất của chúng mà quy vào 9 hình thức ấy. Thí dụ: hình thức nói là chỉ vào những *tục ngữ, thành ngữ, tiếng lóng*, hình thức kể là chỉ vào những *truyện cổ tích, truyện*